TỈNH UỶ CAO BẰNG	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
*	*Cao Bằng, ngày 29 tháng 6 năm 2018*
Số 250-KH/TU	

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HOÀNG ĐÌNH GIONG
ĐẾN Số: 856
Ngày: 03/7/2018
Chuyển: ...
LƯU HỒ SƠ SỐ: ...
- BGH
- HC
- Đức Thuỷ (Web)

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 *(sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 23-NQ/TW)*, Tỉnh ủy Cao Bằng xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đến các cấp uỷ đảng, chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân.

- Nâng cao nhận thức và quyết tâm hành động thống nhất của các cấp ủy đảng, chính quyền trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách phát triển công nghiệp trong thời gian tới.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp theo hướng phát triển bền vững, hiện đại, thân thiện với môi trường, tập trung ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế như: công nghiệp chế biến nông - lâm sản - thực phẩm, công nghiệp điện (thủy điện và năng lượng tái tạo), công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng và một số ngành sản xuất công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW phải được tiến hành nghiêm túc, sâu rộng, hiệu quả, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa phương, đơn vị.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Cao Bằng cơ bản hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; có một số sản phẩm công nghiệp chế biến có sức cạnh tranh trong nước và nước ngoài, tham gia sâu vào chuỗi giá trị trong nước và từng bước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Tầm nhìn đến năm 2045, tỉnh Cao Bằng cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp phát triển bền vững, hiện đại; đạt khá trong khu vực phía Bắc.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt 14%, trong đó: tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 11%.

- Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến đạt tối thiểu 45%.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp đạt bình quân từ 16%/năm trở lên, trong đó: công nghiệp chế biến đạt bình quân trên 20%/năm.

- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ đạt trên 30% tổng số lao động toàn tỉnh.

- Hoàn thiện và khai thác hiệu quả các khu, cụm công nghiệp; một số doanh nghiệp công nghiệp trong tỉnh có quy mô lớn, năng lực cạnh tranh cao.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chính sách phát triển công nghiệp

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân về các nội dung, quan điểm chỉ đạo của Đảng, các mục tiêu phát triển công nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong quá trình triển khai thực hiện; tránh tư tưởng cục bộ, lợi ích nhóm, tư duy nhiệm kỳ, duy ý chí trong tiếp cận và xây dựng chính sách phát triển công nghiệp.

- Thường xuyên tiến hành sơ kết, tổng kết, kịp thời phát hiện, cổ vũ, biểu dương nhân tố mới và nhân rộng mô hình mới, cách làm hay, điển hình tiên tiến trong lĩnh vực phát triển công nghiệp.

2. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ, chuyển dịch cơ cấu, đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp (hoặc bổ sung kế hoạch phát triển công nghiệp trong quy hoạch tỉnh), cơ cấu lại các ngành công nghiệp và phát triển kinh tế trên từng địa phương theo hướng tập trung, khai thác tiềm năng lợi thế, vùng nguyên liệu, đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường; tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách: khuyến công, phát triển công nghiệp hỗ trợ, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Ưu tiên lựa chọn phát triển công nghiệp tại các địa phương có lợi thế về giao thông, tài nguyên, vùng nguyên liệu, lao động, có khả năng trở thành

động lực tăng trưởng. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sản xuất công nghiệp theo hướng chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng. Đẩy nhanh tích hợp công nghệ thông tin và tự động hóa trong sản xuất công nghiệp nhằm tạo ra các quy trình sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh.

- Lựa chọn một số ngành công nghiệp để ưu tiên phát triển theo hướng đáp ứng tốt các nguyên tắc như: khai thác, phát huy được tiềm năng, lợi thế của địa phương; hỗ trợ các ngành công nghiệp cùng phát triển; công nghiệp có khả năng tham gia sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị, có ý nghĩa nền tảng, có tác động lan tỏa cao đến các ngành kinh tế khác; sử dụng các công nghệ sạch, thân thiện môi trường; tạo ra giá trị gia tăng cao; tạo nhiều việc làm cho lao động địa phương. Định kỳ đánh giá hiệu quả việc lựa chọn các ngành công nghiệp ưu tiên để có điều chỉnh cho phù hợp.

- Giai đoạn đến năm 2030, tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp chế biên nông, lâm sản, thực phẩm, nhất là các ngành hàng phục vụ du lịch; công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản; công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; ưu tiên phát triển ở các khâu tạo giá trị gia tăng cao gắn với các quy trình sản xuất thông minh, tự động hóa.

- Giai đoạn 2030 - 2045, tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; công nghiệp cơ khí, chế tạo phục vụ nông nghiệp; công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm theo công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế đặc thù, chính sách hỗ trợ trong chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, phát triển ngành công nghiệp ưu tiên phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh, đồng thời đảm bảo theo cơ chế thị trường, tuân thủ các điều khoản cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

3. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp

- Đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, kinh tế, an toàn xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; khắc phục những yếu kém về kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp. Đẩy mạnh tín dụng hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp có giá trị gia tăng cao, các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp tạo nhiều việc làm cho lao động.

- Nâng cao khả năng tiếp cận trình độ khoa học công nghệ tiên tiến; tiếp cận nguồn lực tài chính, tín dụng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hợp tác xã, các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Áp dụng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn trong ngành công nghiệp phù hợp để bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng. Tổ chức hướng dẫn các doanh nghiệp công nghiệp tham gia có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, chống các hành vi độc quyền, cạnh tranh không lành

mạnh. Phát triển các loại hình và phương thức kinh doanh thương mại hiện đại, thực hiện có hiệu quả chương trình xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm công nghiệp địa phương.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, đảm bảo môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh.

4. Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp công nghiệp

- Triển khai quyết liệt, có hiệu quả Chương trình hành động số 21-CTr/TU, ngày 19/7/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XII) về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp và phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Quyết định số 2240/QĐ-UBND, ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình số 21- CTr/TU của Tỉnh ủy; trong đó, tập trung phát triển các doanh nghiệp tư nhân thực sự trở thành động lực quan trọng cho phát triển công nghiệp của tỉnh.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách nâng cao năng lực công nghệ, quản trị cho các doanh nghiệp công nghiệp; khuyến khích, hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp; phát triển các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp hỗ trợ, các doanh nghiệp, tổ chức dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp; hỗ trợ phát triển các nhà cung ứng trong các ngành công nghiệp ưu tiên.

- Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị đối với các nhà máy tiềm năng chủ lực có giá trị cao hiện có như: Nhà máy sản xuất phôi thép Chu Trinh, nhà máy sản xuất Fêrômangan Bản Gủn, các nhà máy thủy điện, nhà máy sản xuất chế biến nông - lâm sản - thực phẩm, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, đặc biệt là thu hút đầu tư phát triển thủy điện nhỏ và vừa, tiềm năng với tổng công suất khoảng 220 MW, phát triển năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió; phát triển công nghiệp chế biến và bảo quản sau thu hoạch (sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi, các sản phẩm đặc sản của địa phương,...); phát triển công nghiệp cơ khí. Ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ cao, mới, sạch, tiết kiệm, sử dụng nguyên liệu, lao động tại địa phương, phụ kiện trong nước, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực tại chỗ, liên doanh, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp, hợp tác xã, nhất là các ngành hàng phục vụ du lịch.

- Xây dựng và công khai, minh bạch danh mục các dự án thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, đồng thời đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư để

thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp; thu hút đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp.

5. Phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển nhân lực công nghiệp, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, yêu cầu trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Sắp xếp, cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo của tỉnh nhằm từng bước tạo nguồn nhân lực công nghiệp có khả năng tiếp cận các công nghệ sản xuất mới. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực công nghệ cao, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động công nghiệp. Thu hút nhân tài có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao, có năng lực đổi mới, sáng tạo.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại, có đạo đức kinh doanh và tinh thần trách nhiệm đối với sự phát triển của địa phương.

- Định hướng, hỗ trợ dịch chuyển lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp; xây dựng đội ngũ lao động công nghiệp có ý thức tổ chức kỷ luật, tay nghề cao, có năng lực tiếp thu, áp dụng công nghệ mới, lao động năng suất cao, chất lượng, hiệu quả.

6. Chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp

- Phát triển hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong phát triển công nghiệp, nhất là hạ tầng kết nối số đảm bảo an toàn, đồng bộ đáp ứng nhu cầu phát triển trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân dễ dàng, thuận lợi, bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội phát triển nội dung số.

- Thực hiện có hiệu quả: Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến 2020, Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng hàng hóa sản phẩm, hàng hóa của Doanh nghiệp Việt Nam đến 2020; Đề án ứng dụng khoa học công nghệ trong quá trình tái cơ cấu ngành công thương giai đoạn đến 2025, tầm nhìn đến 2030.

- Hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh, xác định doanh nghiệp là lực lượng quan trọng và là trung tâm trong phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ. Tăng cường hợp tác trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, mua bán chuyển giao các sản phẩm công nghệ.

- Kiểm soát chặt chẽ công nghệ đối với các ngành công nghiệp, tranh thủ công nghệ tiên tiến, lợi thế của nước đi sau, đi tắt, đón đầu, tận dụng tối đa lợi

thế lao động của địa phương và khai thác có hiệu quả năng lực sản xuất hiện có; quản lý chặt chẽ thiết bị công nghệ công nghiệp đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

- Đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với hoạt động khoa học công nghệ, phương thức sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học công nghệ. Thực hiện cơ chế hợp tác công - tư trong việc triển khai các dự án đổi mới công nghệ, nghiên cứu và phát triển; áp dụng hình thức nhà nước đặt hàng nhiệm vụ khoa học - công nghệ. Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khoa học công nghệ trong công nghiệp.

7. Về Chính sách khai thác tài nguyên, khoáng sản và chính sách bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển công nghiệp

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản. Chỉ cho phép áp dụng các công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản hiện đại, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội bền vững. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai thuận lợi, theo cơ chế thị trường và phù hợp với quy hoạch.

- Thực hiện lồng ghép các yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường trong quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển công nghiệp. Ưu tiên, khuyến khích các dự án đầu tư sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường, cương quyết không đánh đổi môi trường với tăng trưởng công nghiệp. Quy định rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cơ sở công nghiệp, tăng cường công tác kiểm tra giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Khuyến khích phát triển các cơ sở công nghiệp môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.

8. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về vai trò và nội dung của chính sách công nghiệp trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách công nghiệp là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của các cấp ủy đảng, chính quyền; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp. Thực hiện cơ cấu lại hệ thống quản lý công nghiệp, đặc biệt ở cấp huyện, bảo đảm tập trung, thông suốt, hiệu quả, rõ người, rõ trách nhiệm. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành; giữa các sở, ban, ngành, UBND các

huyện thành phố trong xây dựng và thực thi chính sách đảm bảo hiệu quả, thống nhất.

- Mở rộng sự tham gia có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đối tượng chịu sự tác động của chính sách vào quá trình hoạch định và giám sát thực thi chính sách công nghiệp. Kiên quyết chống lợi ích nhóm, tham nhũng, lãng phí trong xây dựng và thực thi chính sách phát triển công nghiệp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, các huyện, thành ủy tổ chức học tập, quán triệt, triển khai nghiêm túc Nghị quyết số 23-NQ/TW và Kế hoạch của Tỉnh ủy; người đứng đầu các địa phương, đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết số 23-NQ/TW và Kế hoạch của Tỉnh ủy ở địa phương, đơn vị mình.

2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn liên quan xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động với lộ trình và phân công trách nhiệm cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa phương, đơn vị.

3. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh thường xuyên giám sát các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện Kế hoạch của Tỉnh ủy.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền sâu, rộng Nghị quyết số 23-NQ/TW và Kế hoạch của Tỉnh ủy, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong triển khai thực hiện.

5. Văn phòng Tỉnh uỷ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra, đôn đốc, định kỳ sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH UỶ CAO BẰNG

Lại Xuân Môn

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Các đ/c Tỉnh uỷ viên,
- Các ban đảng, BCS đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thành ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- LĐVP, CV TH, KT VPTU;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.